



Tháng 1 năm
2021 RG-253/viet

Chính sách Xử phạt

Có hiệu lực từ ngày 1 tháng 28, 2021

Văn phòng Tuân thủ và Thực thi / Bộ phận Thực thi
ỦY BAN VỀ CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG TEXAS

Chính sách Xử phạt

Văn phòng Tuân thủ và Thực thi / Bộ phận Thực thi

RG-253/viet

Tháng 1 năm 2021

tceq.texas.gov/publications/rg/rg-253.html



Jon Niermann, Chủ nhiệm
Emily Lindley, Ủy viên
Bobby Janecka, Ủy viên

Toby Baker, Giám đốc Điều hành

Chúng tôi cho phép quý vị sử dụng hay sao lại các phần tài liệu nguyên bản trong ấn phẩm này—nghĩa là bất kỳ phần tài liệu nào mà chúng tôi không trích dẫn từ các nguồn khác. Vui lòng công nhận nguồn tài liệu là TCEQ (Texas Commission on Environmental Quality, hay Ủy ban về Chất lượng Môi trường Texas).

Các bản sao của ấn phẩm này có sẵn cho công chúng sử dụng thông qua Thư viện Tiểu bang Texas, các thư viện lưu trữ khác của tiểu bang và Thư viện TCEQ chiếu theo điều luật lưu trữ của tiểu bang. Để biết thêm thông tin về các ấn phẩm của TCEQ, vui lòng truy cập trang web của chúng tôi tại:

tceq.texas.gov/publications

Được xuất bản và phân phối
bởi

Texas Commission on Environmental Quality
P.O. Box 13087
Austin TX 78711-3087

TCEQ là một tổ chức cam kết tạo cơ hội tuyển dụng bình đẳng. Cơ quan này không cho phép phân biệt đối xử căn cứ vào chủng tộc, màu da, tôn giáo, nguồn gốc quốc gia, giới tính, khuyết tật, tuổi tác, khuynh hướng tình dục hay tình trạng cựu chiến binh. Chiếu theo Luật Người Mỹ Khuyết tật, quý vị có thể yêu cầu nhận được tài liệu này dưới hình thức thay thế bằng cách liên lạc với TCEQ tại số 512-239-0010 hay 1-800-RELAY-TX (TDD) hoặc viết thư đến địa chỉ P.O. Box 13087, Austin, TX 78711-3087.

Chất lượng phục vụ khách hàng của chúng tôi như thế nào?
tceq.texas.gov/customersurvey

Mục lục

| | |
|--|----|
| Mở đầu..... | 1 |
| Thẩm quyền luật định..... | 2 |
| Cơ sở sản xuất cốt liệu..... | 3 |
| Tái chế máy tính và máy truyền hình..... | 3 |
| Dịch vụ giặt khô..... | 4 |
| Nguồn nước công cộng..... | 4 |
| Cơ sở nghiền đá và trộn bê tông..... | 4 |
| Báo cáo về quyền sử dụng nước..... | 5 |
| Cách tính toán tiền phạt..... | 5 |
| Các nguồn ô nhiễm lớn và nhỏ..... | 5 |
| Không khí..... | 5 |
| Hoạt động Chăn nuôi Động vật Tập trung (Concentrated Animal Feeding Operations, hay CAFO)..... | 6 |
| Mạch nước ngầm Edwards..... | 6 |
| Chất thải công nghiệp và độc hại..... | 6 |
| Các con đê..... | 6 |
| Bãi rác thải của thành phố..... | 6 |
| Bể chứa dầu hỏa..... | 7 |
| Nguồn nước công cộng..... | 7 |
| Chất thải phóng xạ..... | 7 |
| Kiểm soát hoạt động bơm chất lỏng vào lòng đất..... | 7 |
| Lớp xe phế thải..... | 7 |
| Chất lượng nguồn nước..... | 7 |
| Quyền sử dụng nước..... | 8 |
| Tổng mức phạt cơ bản (Tổng phụ 1)..... | 8 |
| Bảng phân loại vi phạm đối với môi trường, tài sản và sức khỏe con người..... | 8 |
| Đánh giá tác động lên các nguồn bị ảnh hưởng..... | 9 |
| Cách đánh giá xem lượng chất phát thải là đáng kể hay không đáng kể..... | 10 |
| Phân biệt thiệt hại nặng so với thiệt hại vừa hay nhẹ..... | 11 |

Chính sách Xử phạt

Phiên bản sửa đổi thứ năm, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 1 năm 2021

| | |
|---|----|
| Bảng phân loại hình phạt đối với vi phạm hành chính | 13 |
| Xác định số lần vi phạm | 13 |
| Đánh giá các điều chỉnh đối với khoản tiền phạt | 15 |
| Hồ sơ tuân thủ (Tổng phụ 2) | 16 |
| Trường hợp tái phạm (Tổng phụ 3) | 17 |
| Phân loại hồ sơ tuân thủ (Tổng phụ 7)..... | 18 |
| Lỗi vi phạm (Tổng phụ 4)..... | 18 |
| Nỗ lực thực sự để tuân thủ (Tổng phụ 5) | 19 |
| Lợi ích kinh tế (Tổng phụ 6)..... | 20 |
| Các chi phí đã trốn tránh..... | 21 |
| Tổng phụ cuối cùng | 21 |
| Các yếu tố khác cần thiết để thực hiện công lý | 21 |
| Điều chỉnh cho phù hợp với các giới hạn pháp định..... | 22 |
| Trường hợp hoãn phạt | 22 |

Mở đầu

Tài liệu này miêu tả chính sách của Ủy ban về Chất lượng Môi trường Texas (Texas Commission on Environmental Quality, hay TCEQ) liên quan đến việc tính toán và áp dụng các hình phạt hành chính. Hành động xử phạt có thể được khởi sự khi phát hiện ra các vi phạm nghiêm trọng hay chưa được giải quyết trong quá trình điều tra hoặc khi nắm bắt được thông tin về việc vi phạm tại các buổi họp liên quan đến việc cấp phép. Quá trình điều tra được thực hiện bởi giám đốc điều hành hoặc nhân viên hay đại diện của giám đốc điều hành để xem xét, đánh giá thông tin liên quan đến tình trạng tuân thủ của một cơ sở nào đó và có thể được tiến hành dưới hình thức thẩm định cơ sở, xem xét hồ sơ hay tài liệu, điều tra sự tuân thủ hoặc xem xét, đánh giá các thông tin khác. Tài liệu này không nói về thời điểm khởi sự hành động xử phạt mà nói về cách nhân viên TCEQ cần đánh giá vi phạm để có thể đưa ra đề nghị về mức phạt hành chính cho ủy ban.

Chính sách này bao gồm phần miêu tả cách TCEQ đánh giá thiệt hại và mức độ nghiêm trọng của vi phạm cũng như cách xác định mức phạt đề nghị. Cũng có phần thảo luận về các khoản điều chỉnh mà cơ quan có thể áp dụng cho mức phạt cơ bản sau khi hoàn tất việc xem xét tình tiết của trường hợp bị xử phạt và thông tin về bị đơn.

Phiên bản sửa đổi thứ năm của Chính sách Xử phạt này (có hiệu lực từ ngày 28 tháng 1 năm 2021) được áp dụng cho tất cả các cuộc điều tra thực hiện vào hoặc sau ngày 28 tháng 1 năm 2021 về các vi phạm đã xảy ra hoặc bắt đầu xảy ra vào hoặc sau ngày 1 tháng 9 năm 2011.

Đối với các cuộc điều tra thực hiện trước ngày 28 tháng 1 năm 2021:

- Phiên bản sửa đổi thứ tư của Chính sách Xử phạt này (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2014) được áp dụng cho các vi phạm đã xảy ra vào hoặc sau ngày 1 tháng 9 năm 2011 và có hồ sơ Yêu cầu Hành động Xử phạt (Enforcement Action Referral, hay EAR) được chỉ định xử lý vào hoặc sau ngày 1 tháng 4 năm 2014.
- Phiên bản sửa đổi thứ ba của Chính sách Xử phạt này (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 9 năm 2011) được áp dụng cho các vi phạm đã xảy ra vào hoặc sau ngày 1 tháng 9 năm 2011 và có hồ sơ Yêu cầu Hành động Xử lý được chỉ định xử lý trước ngày 1 tháng 4 năm 2014.
- Phiên bản sửa đổi thứ hai của Chính sách Xử phạt này (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 9 năm 2002) được áp dụng cho các vi phạm đã xảy ra trước ngày 1 tháng 9 năm 2011.

Chính sách Xử phạt

Phiên bản sửa đổi thứ năm, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 1 năm 2021

Thẩm quyền luật định

Ủy ban có thẩm quyền áp dụng các hình phạt hành chính chiếu theo một vài điều luật khác nhau thuộc Bộ luật Nguồn nước Texas (Texas Water Code, hay TWC), Bộ luật Sức khỏe và An toàn Texas (Texas Health and Safety Code, hay THSC) và Bộ luật Giao thông Vận tải Texas (Texas Transportation Code, hay TTC). Các điều luật này bao gồm: Các Chương 7, 11, 12, 13, 16, và 28A của bộ luật TWC; Chương 341 và 371 của bộ luật THSC; và Chương 548 của bộ luật TTC.

Các điều luật này ủy quyền xử phạt cho ủy ban đồng thời quy định các yếu tố cần được xem xét khi xác định mức phạt được áp dụng (xem bảng dưới đây).

Bảng 1: Các khung phạt luật định

| Chương trình | Điều luật/ Chương | Khung phạt hành chính cho mỗi vi phạm, mỗi ngày |
|--|------------------------------|--|
| Cơ sở sản xuất cốt liệu | TWC/28A | Xem dưới đây |
| Chất lượng không khí | TWC/7 | 0\$-25.000\$ |
| An toàn đập nước | TWC/12 | Không áp dụng |
| Dịch vụ giặt khô | TWC/7 | Xem dưới đây |
| Mạch nước ngầm Edwards | TWC/7 | 0\$-25.000\$ |
| Chất thải công nghiệp và độc hại | TWC/7 | 0\$-25.000\$ |
| Lô đất trên bãi chôn rác của thành phố | TWC/7 | 0\$-25.000\$ |
| Các con đê | TWC/16 | 0\$-1.000\$ |
| Chất thải y tế | TWC/7 | 0\$-25.000\$ |
| Bãi rác thải của thành phố | TWC/7 | 0\$-25.000\$ |
| Giấy phép nghề nghiệp | TWC/7 | 0\$-5.000\$ |
| Xử lý nước thải tại chỗ | TWC/7 | 0\$-5.000\$ |
| Bể chứa dầu hỏa | TWC/7 | 0\$-25.000\$ |
| Nguồn nước công cộng | THSC/341 | Xem dưới đây |
| Các tổ chức cấp nước công cộng | TWC/13 | 0\$-5.000\$ |
| Chất phóng xạ | TWC/7 | 0\$-25.000\$ |

Chính sách Xử phạt

Phiên bản sửa đổi thứ năm, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 1 năm 2021

| Chương trình | Điều luật/ Chương | Khung phạt hành chính cho mỗi vi phạm, mỗi ngày |
|--|------------------------------|--|
| Cơ sở nghiền đá và trộn bê tông | TWC/7 | Xem dưới đây |
| Đào hố ngầm | TWC/7 | 0\$-25.000\$ |
| Báo cáo phát thải hóa chất độc hại | TWC/7 | 0\$-25.000\$ |
| Kiểm soát hoạt động bơm chất lỏng vào lòng đất | TWC/7 | 0\$-25.000\$ |
| Nguồn nước ngầm | TWC/7 | 0\$-25.000\$ |
| Dầu thải | TWC/7 | 0\$-5.000\$ |
| Lọc dầu cũ | THSC/371, TWC/7 | 0\$-5.000\$ |
| Kiểm tra khí thải ô tô | TTC/548 | 0\$-500\$ |
| Lốp xe phế thải | TWC/7 | 0\$-25.000\$ |
| Chất lượng nguồn nước | TWC/7 | 0\$-25.000\$ |
| Quyền sử dụng nước | TWC/11 | 0\$-5.000\$ |
| Báo cáo về quyền sử dụng nước | TWC/11 | Xem dưới đây |
| Các tiêu chuẩn tiết kiệm nước hiệu quả | TWC/7 | 0\$-5.000\$ |

Cơ sở sản xuất cốt liệu

Điều khoản 28A.102 của bộ luật TWC quy định rằng: “Ủy ban có thể áp dụng hình phạt ít nhất là 5.000\$ và nhiều nhất là 20.000\$ cho mỗi năm hoạt động của một cơ sở sản xuất cốt liệu khi chưa được đăng ký theo quy định tại chương này. Tổng số tiền phạt theo phần này không được vượt quá 40.000\$ đối với một cơ sở sản xuất cốt liệu đã hoạt động từ ba năm trở lên khi chưa được đăng ký.”

Tái chế máy tính và máy truyền hình

Điều khoản 7.052(b-1) của bộ luật TWC quy định rằng: “Đối với các nhà sản xuất mà không dán nhãn trên các sản phẩm máy tính hay sản phẩm máy truyền hình nằm trong phạm vi điều chỉnh của luật, hoặc không thông qua và thực hiện một kế hoạch thu hồi sản phẩm của họ theo quy định của điều khoản 361.955, 361.975 hay 361.978 Bộ luật Sức khỏe và An toàn, nếu áp dụng, thì mức phạt áp dụng không được vượt quá 10.000\$ đối với lần vi phạm thứ hai hoặc 25.000\$ đối với mỗi lần vi phạm tiếp theo. Khoản phạt theo điều khoản phụ này sẽ được cộng thêm vào bất kỳ khoản phạt nào có thể được áp dụng cho các vi phạm theo Chương phụ Y hay Z, Chương 361 Bộ luật Sức khỏe và An toàn.”

Chính sách Xử phạt

Phiên bản sửa đổi thứ năm, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 1 năm 2021

Điều khoản 7.052(b-2) của bộ luật TWC quy định rằng: “Ngoại trừ các trường hợp được quy định trong điều khoản phụ (b-1), mức phạt áp dụng cho các vi phạm theo Chương phụ Y hay Z, Chương 361 Bộ luật Sức khỏe và An toàn không được vượt quá 1.000\$ đối với lần vi phạm thứ hai và 2.000\$ đối với mỗi lần vi phạm tiếp theo. Khoản phạt theo điều khoản phụ này sẽ được cộng thêm với bất kỳ khoản phạt nào có thể áp dụng cho các vi phạm theo Chương phụ Y và Z, Chương 361 Bộ luật Sức khỏe và An toàn.”

Dịch vụ giặt khô

Điều khoản 7.0525 của bộ luật TWC quy định rằng: “(a) Ngoại trừ các trường hợp được quy định tại điều khoản phụ (b), mức phạt áp dụng cho việc vi phạm điều khoản 374.252 của Bộ luật Sức khỏe và An toàn không được vượt quá 5.000\$. (b) Mức phạt áp dụng cho việc vi phạm điều khoản 374.252(a)(3) của Bộ luật Sức khỏe và An toàn không được vượt quá 10.000\$.”

Điều khoản 374.252 của bộ luật THSC quy định rằng: “(b) Nếu phí đăng ký chưa được thanh toán vào hoặc trước ngày thứ 30 sau ngày đến hạn thì ủy ban có thể áp dụng mức phạt không quá 50\$/ngày cho mỗi ngày khoản phí chưa được thanh toán.”

Điều khoản 374.252 của bộ luật THSC quy định rằng: “(c) Nếu một cơ sở giặt khô hay trạm dành cho khách hàng gửi quần áo dơ đã chưa nộp đơn xin đăng ký cho ủy ban vào hoặc trước ngày thứ 30 sau ngày đến hạn thì ủy ban có thể áp dụng mức phạt không quá 50\$/ngày cho mỗi ngày đơn xin chưa được nộp.”

Nguồn nước công cộng

Điều khoản 341.049(a) của bộ luật THSC quy định rằng: “(a) Nếu một người gây ra, chấp nhận, cho phép hay đồng ý với một trường hợp vi phạm theo chương phụ này hoặc theo một quy định hay sắc lệnh được thông qua chiếu theo chương phụ này thì ủy ban có thể xử phạt người đó theo các quy định của điều khoản này. Mức phạt sẽ không ít hơn 50\$ và không nhiều hơn 5.000\$ đối với mỗi lần vi phạm. Nếu vi phạm tiếp diễn thì mỗi ngày vi phạm có thể được coi là một vi phạm riêng.” Điều này áp dụng cho các vi phạm trong chương phụ này mà đã xảy ra vào hoặc sau ngày 1 tháng 9 năm 2019.

Các vi phạm xảy ra trước ngày 1 tháng 9 năm 2019 có thể bị phạt ở mức ít nhất là 50\$ và nhiều nhất là 1.000\$ cho mỗi lần vi phạm. Nếu vi phạm tiếp diễn thì mỗi ngày vi phạm có thể được coi là một vi phạm riêng.

Cơ sở nghiền đá và trộn bê tông

Điều khoản 7.052(b) của bộ luật TWC quy định rằng: “Ngoại trừ các trường hợp được quy định tại điều khoản phụ (b-3), mức phạt áp dụng cho việc vận hành một cơ sở nghiền đá hay cơ sở trộn bê tông bằng phương pháp trộn ướt, trộn khô hay trộn tại nhà máy trung tâm mà không có giấy phép theo quy định của điều khoản 382.0518 Bộ luật Sức khỏe và An toàn là 10.000\$. Nếu vi phạm tiếp diễn thì mỗi ngày vi phạm là một vi

Chính sách Xử phạt

Phiên bản sửa đổi thứ năm, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 1 năm 2021

phạm riêng.” Trong trường hợp này, mức phạt tối đa luật định là 10.000\$ sẽ được áp dụng cho mỗi ngày hoạt động trái phép trừ phi cơ sở đã được ủy ban cấp phát bất kỳ loại giấy phép nào ngoài giấy phép yêu cầu cho cơ sở đó. Nếu cơ sở có một loại giấy phép khác thì ủy ban có quyền xem xét việc có nên áp dụng mức phạt 10.000\$ mỗi ngày hay không.

Báo cáo về quyền sử dụng nước

Điều khoản 11.031(b) của bộ luật TWC quy định rằng: “Một người mà không nộp báo cáo hàng năm cho ủy ban theo quy định của điều khoản phụ (a) hoặc không tuân thủ kịp thời với yêu cầu của ủy ban về việc cung cấp thông tin theo điều khoản phụ (d) thì có thể chịu phạt cho mỗi ngày người đó chưa nộp báo cáo hay không tuân thủ theo yêu cầu sau ngày hạn quy định, với mức phạt không vượt quá: (1) 100\$ mỗi ngày đối với các chủ sở hữu quyền sử dụng nước được phép lấy từ 5.000 acre-feet nước trở xuống mỗi năm; hoặc (2) 500\$ mỗi ngày đối với các chủ sở hữu quyền sử dụng nước được phép lấy nhiều hơn 5.000 acre-feet nước mỗi năm.”

Cách tính toán tiền phạt

Các nguồn ô nhiễm lớn và nhỏ

Ủy ban sẽ xem xét mức phạt phù hợp căn cứ vào quy mô của cơ sở bị đơn, khối lượng chất ô nhiễm tiềm tàng, hoặc cả hai. Đối với các cơ sở và nguồn ô nhiễm đã được Cơ quan Bảo vệ Môi trường (Environmental Protection Agency, hay EPA) chỉ định là thuộc loại “lớn” hay “nhỏ” thì cơ quan chúng tôi thường sẽ áp dụng cùng những phân loại này cho các cơ sở của bị đơn. Các định nghĩa sử dụng cho mỗi lĩnh vực của chương trình được giải thích dưới đây. Các cá nhân và người vận hành sẽ được coi là “nguồn nhỏ” trừ phi có quy định khác. Bất kỳ trường hợp nào không được nêu rõ trong điều khoản này sẽ được xem xét và xác định riêng.

Không khí

Nguồn lớn:

1. Bất kỳ cơ sở cố định nào là nguồn phát thải chất ô nhiễm không khí không độc hại mà phát thải trực tiếp hoặc có khả năng phát thải bất kỳ chất ô nhiễm không khí nào ở mức 100 tấn trở lên mỗi năm, ngoại trừ tại một số khu vực chưa đạt chuẩn. Tại các quận/hạt có lượng ôzôn vượt chuẩn đến mức nghiêm trọng (serious) thì ngưỡng quy định là 50 tấn mỗi năm đối với các chất hữu cơ dễ bay hơi (volatile organic compounds, hay VOC) và nitơ ôxit (nitrogen oxides, hay NO_x). Tại các quận/hạt có lượng ôzôn vượt chuẩn đến mức rất nghiêm trọng (severe) thì ngưỡng quy định là 25 tấn mỗi năm đối với các chất VOC và NO_x.
2. Đối với các chất ô nhiễm độc hại được nêu trong Đạo luật Không khí Sạch

Chính sách Xử phạt

Phiên bản sửa đổi thứ năm, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 1 năm 2021

Liên bang: các nguồn phát thải hoặc có khả năng phát thải 10 tấn trở lên riêng một chất ô nhiễm mỗi năm hoặc 25 tấn trở lên kết hợp của bất kỳ các chất ô nhiễm nào mỗi năm.

3. Cơ sở của bị đơn sẽ được coi là một nguồn lớn nếu có bất kỳ nguồn ô nhiễm lớn nào tại cơ sở đó, ngay cả khi (các) vi phạm không liên quan đến nguồn đó.

Nguồn nhỏ: Được định nghĩa là bất kỳ nguồn ô nhiễm nào không phải là nguồn lớn.

Hoạt động Chăn nuôi Động vật Tập trung (Concentrated Animal Feeding Operations, hay CAFO)

Tất cả các cơ sở CAFO đều được coi là nguồn ô nhiễm nhỏ.

Mạch nước ngầm Edwards

Nguồn lớn: Các dự án xây dựng ảnh hưởng đến từ 5 acre trở lên.

Nguồn nhỏ: Các dự án xây dựng ảnh hưởng đến ít hơn 5 acre.

Chất thải công nghiệp và độc hại

Nguồn lớn: Các cơ sở phát thải nhiều hơn 12.000 kg chất thải độc hại mỗi năm. Các cơ sở công nghiệp thương mại đều là nguồn lớn.

Nguồn nhỏ: Các cơ sở phát thải từ 12.000 kg trở xuống chất thải độc hại mỗi năm.

Các con đê

Nguồn lớn: Các con đê hay công trình khác được xây dựng trong vùng thoát lũ 100 năm nhằm bảo vệ khu vực trong trường hợp có lũ lụt nghiêm trọng đến mức lũ 100 năm hoặc hơn.

Nguồn nhỏ: Các con đê hay công trình khác được xây dựng trong vùng thoát lũ 100 năm nhằm bảo vệ khu vực trong trường hợp có lũ lụt dưới mức lũ 100 năm.

Bãi rác thải của thành phố

Nguồn lớn: Các bãi rác nhận nhiều hơn 20 tấn chất thải rắn mỗi ngày từ thành phố, tính theo mức trung bình cả năm.

Nguồn nhỏ: Các bãi rác nhận từ 20 tấn trở xuống chất thải rắn mỗi ngày từ thành phố, tính theo mức trung bình cả năm.

Bể chứa dầu hỏa

Nguồn lớn: Các cơ sở có bể chứa ngầm với thông lượng hàng tháng vượt quá 100.000 ga-lông.

Nguồn nhỏ: Các cơ sở có bể chứa ngầm với thông lượng hàng tháng từ 100.000 ga-lông trở xuống.

Nguồn nước công cộng

Nguồn lớn: Các tổ chức bán lẻ dịch vụ cấp nước công cộng mà phục vụ cho nhiều hơn 1.100 điểm kết nối.

Nguồn nhỏ: Các tổ chức bán lẻ dịch vụ cấp nước công cộng mà phục vụ cho từ 1.100 điểm kết nối trở xuống. Ngoài ra, các tổ chức cấp nước công cộng theo hình thức không phải là bán lẻ sẽ được xếp vào phân loại nguồn nhỏ, trừ phi có một số điều kiện cụ thể khiến cho họ phải được xếp vào loại nguồn lớn.

Chất thải phóng xạ

Tất cả các cơ sở đều được coi là nguồn lớn.

Kiểm soát hoạt động bơm chất lỏng vào lòng đất

Tất cả các cơ sở Cấp I và Cấp III đều được coi là nguồn lớn. Các cơ sở Cấp V sẽ được phân loại tùy theo điều kiện ở từng địa điểm.

Lốp xe phế thải

Nguồn lớn: Các cơ sở chứa nhiều hơn 500 lốp xe.

Nguồn nhỏ: Các cơ sở chứa từ 500 lốp xe trở xuống.

Chất lượng nguồn nước

Nguồn lớn: Các cơ sở thành phố có lưu lượng nước trung bình mỗi ngày từ 1 triệu ga-lông trở lên đều được coi là cơ sở lớn. Các cơ sở công nghiệp sẽ được xếp vào phân loại nguồn lớn hay nguồn nhỏ căn cứ vào thang điểm của EPA. Bộ phận Chất lượng Nguồn nước của TCEQ sử dụng bảng phân loại của EPA để xếp loại nguồn lớn hay nguồn nhỏ cho các cơ sở. Tất cả các tổ chức có giấy phép về chất lượng nguồn nước đều cần được chỉ định là nguồn lớn hay nguồn nhỏ.

Nguồn nhỏ: Các cơ sở thành phố có lưu lượng nước trung bình mỗi ngày ít

Chính sách Xử phạt

Phiên bản sửa đổi thứ năm, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 1 năm 2021

hơn 1 triệu ga-lông. Các cơ sở công nghiệp sẽ được phân loại là nguồn lớn hay nguồn nhỏ vào lúc cấp giấy phép như được miêu tả ở trên.

Quyền sử dụng nước

Nguồn lớn: Quyền sử dụng nhiều hơn 5.000 acre-feet nước.

Nguồn nhỏ: Quyền sử dụng từ 5.000 acre-feet nước trở xuống.

Tổng mức phạt cơ bản (Tổng phụ 1)¹

Mỗi vi phạm trong hồ sơ xử phạt sẽ được đánh giá và phân loại là vi phạm phát thải thực sự, vi phạm phát thải tiềm tàng hay vi phạm hành chính, rồi sau đó được phân loại tiếp là gây thiệt hại nặng, vừa hay nhẹ. Tỷ lệ phần trăm thích hợp (xem các bảng dưới đây) sẽ được nhân với mức phạt cao nhất cho phép theo điều luật áp dụng (xem bảng ở phần “Thẩm quyền luật định”) để xác định mức phạt cơ bản cho mỗi vi phạm cụ thể. Các khoản phạt đã tính cho tất cả các vi phạm sẽ được cộng lại để cho ra Tổng mức phạt cơ bản (Tổng phụ 1)

Khi tính toán mức phạt cơ bản, các vi phạm sẽ được chia thành hai loại—loại gây hại hoặc có thể gây hại cho môi trường và/hoặc sức khỏe con người và loại liên quan đến thủ tục giấy tờ. Do sự phân chia này, TCEQ đã thành lập hai bảng hình phạt riêng—(1) Bảng phân loại hình phạt đối với vi phạm môi trường, tài sản và sức khỏe con người và (2) Bảng phân loại hình phạt đối với vi phạm hành chính.

Bảng phân loại vi phạm đối với môi trường, tài sản và sức khỏe con người

Trong Bảng phân loại hình phạt đối với vi phạm môi trường, tài sản và sức khỏe con người, mức phạt cơ bản cho các vi phạm được tính toán trước tiên bằng cách xem xét hai yếu tố: Sự phát thải và thiệt hại (sự gây hại). Sự phát thải nghĩa là việc phát tán hay thải ra chất ô nhiễm vào môi trường hay vào một hệ thống nước sinh hoạt công cộng; việc chuyển hướng dòng chảy, chiếm đoạt hay lưu trữ trái phép một nguồn nước của tiểu bang; hoặc thay đổi trái phép độ cao mực nước của một con suối. Các vi phạm sẽ được đánh giá để xác định xem có sự phát thải hay không, và nếu có thì sẽ được phân loại là phát thải thực sự hay phát thải tiềm tàng. *Thực sự* được định nghĩa là “thật sự hiện hữu trên thực tế; không phải là tiềm tàng.” *Tiềm tàng* được định nghĩa là “có khả năng hiện hữu; có thể phát triển thành thực tế.” Yếu tố thứ hai cần được đánh giá là mức độ thiệt hại (sự gây hại) mà đã ảnh hưởng đến hoặc có thể ảnh hưởng đến sức khỏe con người, các tài sản liên quan đến quyền sử dụng nước hay việc xây dựng con đê và/hoặc các vùng môi trường tiếp nhận. Hai yếu tố này được tích hợp trong một bảng hình phạt để sử dụng cho việc xác định mức phạt cơ bản.

¹ Các tổng phụ tương ứng với các phép tính trong Bảng tính Tiền phạt của TCEQ.

Chính sách Xử phạt

Phiên bản sửa đổi thứ năm, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 1 năm 2021

Thông tin dưới đây nhằm hỗ trợ người đọc trong việc áp dụng Bảng phân loại hình phạt đối với vi phạm môi trường, tài sản và sức khỏe con người trong thực tiễn. Lượng chất ô nhiễm phát thải sẽ được xác định là “đáng kể” hay “không đáng kể” căn cứ vào mức độ tác động lên các nguồn bị ảnh hưởng.

Đánh giá tác động lên các nguồn bị ảnh hưởng

Trong trường hợp có dữ liệu từ việc lấy mẫu và dữ liệu đó nằm trong phạm vi áp dụng của các tiêu chuẩn quản lý liên quan thì việc đánh giá tác động phải căn cứ ít nhất một phần vào các dữ liệu và các tiêu chuẩn liên quan đó.

Nếu không có dữ liệu, tiêu chuẩn áp dụng hay cả hai thì mức độ ảnh hưởng phải được đánh giá căn cứ vào các tác động đã được quan sát và ghi nhận do việc phát thải gây ra cho nguồn bị ảnh hưởng. Nếu có cả dữ liệu cũng như các tác động quan sát được thì cả hai yếu tố này phải được xem xét thỏa đáng khi đánh giá tác động. Đối với các trường hợp phát thải không có dữ liệu và cũng không thể quan sát trực tiếp được thì mức độ ảnh hưởng phải được đánh giá bằng cách áp dụng kiến thức khoa học để dự đoán tác động của việc phát thải đó.²

Các định nghĩa³

Một nguồn bị ảnh hưởng nghĩa là sức khỏe con người, các hoạt động kinh doanh, quyền sử dụng hay hưởng lợi thông thường từ tài sản và/hoặc các nguồn tài nguyên khác (ví dụ như chất lượng không khí, nguồn nước hay đất thuộc quyền sở hữu của chính phủ hay tư nhân) mà đã chịu sự tác động tiêu cực do việc phát thải chất ô nhiễm.

Phát thải chất ô nhiễm ở mức đáng kể là việc phát thải các loại hay lượng chất ô nhiễm mà làm mất hầu hết hay toàn bộ số lượng, chất lượng, hoặc cả hai, của (các) nguồn bị ảnh hưởng.

Phát thải chất ô nhiễm ở mức không đáng kể là việc phát thải các loại hay lượng chất ô nhiễm mà chỉ làm mất một ít hay hoàn toàn không làm mất số lượng hay chất lượng của bất kỳ nguồn bị ảnh hưởng nào.

² Ví dụ, các chất VOC được biết là góp phần vào quá trình hình thành ôzôn nhưng không gây ra bất kỳ tác động nào quan sát được ngay. Một sự cố tràn đổ thủy ngân lỏng có thể không gây ô nhiễm đất hay nguồn nước nhưng theo dự đoán, một phần sẽ bay hơi vào không khí xung quanh và có thể gây hại nếu hít phải.

³ Các định nghĩa này không nói trực tiếp về nồng độ chất ô nhiễm hoặc ngưỡng bảo vệ. Như được ghi dưới đây trong phần “Phân biệt thiệt hại nặng so với thiệt hại vừa hay nhẹ”, nếu có trường hợp phát thải các chất ô nhiễm với lượng đáng kể mà khiến cho nồng độ của bất kỳ chất ô nhiễm nào vượt quá ngưỡng bảo vệ cho sức khỏe con người hay cho các vùng môi trường tiếp nhận thì trường hợp đó phải được xếp vào loại “thiệt hại nặng”.

Cách đánh giá xem lượng chất phát thải là đáng kể hay không đáng kể

Hãy sử dụng các câu hỏi dưới đây để xem xét trường hợp phát thải và nguồn bị ảnh hưởng. Đây không phải là danh sách kiểm tra hoặc cây ra quyết định. Các câu hỏi riêng lẻ không bị phân biệt về mức độ quan trọng và phải được xem xét chung với nhau.

Bảng 2: (1) Chất ô nhiễm bị phát thải

| Câu hỏi | Các yếu tố cần xem xét |
|-------------------------------|--|
| Chất phát thải là gì? | Xem xét các thông tin có sẵn về độc tính hay các thuộc tính khác của chất phát thải mà có thể tác động tiêu cực đến nguồn bị ảnh hưởng. Độc tính càng cao thì càng có khả năng đó là trường hợp phát thải với “lượng đáng kể”. |
| Lượng phát thải là bao nhiêu? | Lượng phát thải có đủ để gây ra các tác động tiêu cực điển hình của chất đó không? Khối lượng càng lớn thì càng có khả năng đó là trường hợp phát thải với “lượng đáng kể”. |

Bảng 3: (2) Nguồn bị ảnh hưởng

| Câu hỏi | Các yếu tố cần xem xét |
|---|--|
| Nguồn bị ảnh hưởng là gì? | Cần nhắc kỹ đến định nghĩa của nguồn bị ảnh hưởng. Trường hợp này có gây hại cho sức khỏe con người hay làm giảm các hoạt động kinh doanh không? Nếu có, gây hại gì và bằng cách nào? Trường hợp này có tác động tiêu cực đến việc sử dụng bình thường hay hưởng lợi từ tài sản hoặc các nguồn tài nguyên không? Nếu có, tác động gì và bằng cách nào? |
| Tác động tiêu cực đối với nguồn bị ảnh hưởng là ở mức độ như thế nào? | Xét đến tính nhạy cảm, giá trị và sự hữu dụng của nguồn bị ảnh hưởng cùng với bất kỳ dữ liệu hay kiến thức khoa học nào mà giúp đánh giá tác động thực sự hay dự đoán của trường hợp phát thải đó. Nguồn càng nhạy cảm, có giá trị và hữu dụng thì càng có khả năng các trường hợp phát thải mà tác động đến nguồn đó sẽ được coi là có “lượng đáng kể”. |

Phân biệt thiệt hại nặng so với thiệt hại vừa hay nhẹ

Các thiệt hại được phân loại là nặng, vừa hay nhẹ. Muốn phân loại một trường hợp phát thải chất ô nhiễm thực sự (hay tiềm tàng) vào loại nặng thì chất ô nhiễm đó phải xuất hiện với nồng độ vượt quá ngưỡng bảo vệ đối với sức khỏe con người hay vùng môi trường tiếp nhận, hoặc phải xuất hiện với lượng đáng kể như được định nghĩa ở văn bản này, hoặc cả hai. Bảng 4 có định nghĩa cho mỗi loại thiệt hại.

Bảng 4: Các loại thiệt hại

| | Phát thải thực sự | Phát thải tiềm tàng |
|----------------|--|---|
| Thiệt hại nặng | <p>Con người hay môi trường đã bị phơi nhiễm với chất ô nhiễm ở mức vượt quá ngưỡng bảo vệ cho sức khỏe con người hay vùng môi trường tiếp nhận do hậu quả của vi phạm này.</p> <p>Việc chuyển hướng dòng chảy, chiếm đoạt hay lưu trữ trái phép một nguồn nước của tiểu bang hoặc thay đổi trái phép độ cao mực nước của một con suối mà làm cho người khác bị mất nguồn nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến các sinh vật dưới nước, gây nguy hiểm đối với sự an toàn hoặc gây thiệt hại đối với tài sản hay kinh tế.</p> | <p>Con người hay môi trường sẽ hoặc có thể sẽ bị phơi nhiễm với chất ô nhiễm ở mức sẽ vượt quá ngưỡng bảo vệ cho sức khỏe con người hay vùng môi trường tiếp nhận do hậu quả của vi phạm này.</p> <p>Có khả năng xảy ra việc chuyển hướng dòng chảy, chiếm đoạt hay lưu trữ trái phép một nguồn nước của tiểu bang hoặc thay đổi trái phép độ cao mực nước của một con suối mà làm cho người khác bị mất nguồn nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến các sinh vật dưới nước, gây nguy hiểm đối với sự an toàn hoặc gây thiệt hại đối với tài sản hay kinh tế.</p> |
| Thiệt hại vừa | <p>Con người hay môi trường đã bị phơi nhiễm với lượng đáng kể các chất ô nhiễm ở mức không vượt quá ngưỡng bảo vệ cho sức khỏe con người hay vùng môi trường tiếp nhận do hậu quả của vi phạm này.</p> <p>Việc chuyển hướng dòng chảy, chiếm đoạt hay lưu trữ trái phép một lượng đáng kể của một nguồn nước của tiểu bang hoặc thay đổi trái phép đáng kể độ cao mực nước của một con suối</p> | <p>Con người hay môi trường sẽ hoặc có thể sẽ bị phơi nhiễm với lượng đáng kể các chất ô nhiễm ở mức sẽ không vượt quá ngưỡng bảo vệ cho sức khỏe con người hay vùng môi trường tiếp nhận do hậu quả của vi phạm này.</p> <p>Có khả năng xảy ra việc chuyển hướng dòng chảy, chiếm đoạt hay lưu trữ trái phép một lượng đáng kể của một nguồn nước của tiểu bang hoặc thay đổi trái phép đáng kể độ cao mực nước của một con suối mà</p> |

Chính sách Xử phạt

Phiên bản sửa đổi thứ năm, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 1 năm 2021

| | Phát thải thực sự | Phát thải tiềm tàng |
|---------------|---|---|
| | mà không ảnh hưởng tiêu cực đến các sinh vật dưới nước, không gây nguy hiểm đối với sự an toàn hoặc không gây thiệt hại đối với tài sản hay kinh tế. | sẽ không ảnh hưởng tiêu cực đến các sinh vật dưới nước, gây nguy hiểm đối với sự an toàn hoặc gây thiệt hại đối với tài sản hay kinh tế. |
| | Phát thải thực sự | Phát thải tiềm tàng |
| Thiệt hại nhẹ | <p>Con người hay môi trường đã bị phơi nhiễm với lượng không đáng kể các chất ô nhiễm ở mức không vượt quá ngưỡng bảo vệ cho sức khỏe con người hay vùng môi trường tiếp nhận do hậu quả của vi phạm này.</p> <p>Việc chuyển hướng dòng chảy, chiếm đoạt hay lưu trữ trái phép một lượng không đáng kể của một nguồn nước của tiểu bang hoặc thay đổi trái phép không đáng kể độ cao mực nước của một con suối mà không ảnh hưởng tiêu cực đến các sinh vật dưới nước, gây nguy hiểm đối với sự an toàn hoặc gây thiệt hại đối với tài sản hay kinh tế.</p> | <p>Con người hay môi trường sẽ hoặc có thể sẽ bị phơi nhiễm với lượng không đáng kể các chất ô nhiễm ở mức sẽ không vượt quá ngưỡng bảo vệ cho sức khỏe con người hay vùng môi trường tiếp nhận do hậu quả của vi phạm này.</p> <p>Có khả năng xảy ra việc chuyển hướng dòng chảy, chiếm đoạt hay lưu trữ trái phép một lượng không đáng kể của một nguồn nước của tiểu bang hoặc thay đổi trái phép không đáng kể độ cao mực nước của một con suối mà sẽ không ảnh hưởng tiêu cực đến các sinh vật dưới nước, gây nguy hiểm đối với sự an toàn hoặc gây thiệt hại đối với tài sản hay kinh tế.</p> |

Các bảng sau đây tóm tắt các tiêu chí sử dụng để xác định các thiệt hại nặng, vừa và nhẹ.

Bảng 5: Tiêu chí thiệt hại

| Thiệt hại | Lượng chất ô nhiễm đáng kể* | Vượt quá ngưỡng bảo vệ |
|------------------|------------------------------------|-------------------------------|
| Nặng | Có | Có |
| Vừa | Có | Không |
| Nhẹ | Không | Không |

* Xem các định nghĩa ở Bảng 4

Bảng 6: Bảng phân loại vi phạm đối với môi trường, tài sản và sức khỏe con người

| | Thiệt hại nặng | Thiệt hại vừa | Thiệt hại nhẹ |
|----------------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Nguồn | Lớn/nhỏ | Lớn/nhỏ | Lớn/nhỏ |
| Phát thải thực sự | 100%/50% | 50%/25% | 30%/15% |
| Phát thải tiềm tàng | 30%/15% | 15%/5% | 7%/3% |

Bảng phân loại hình phạt đối với vi phạm hành chính

Trong Bảng phân loại hình phạt đối với vi phạm hành chính, các vi phạm được phân loại là lớn, vừa hay nhỏ căn cứ vào mức độ không tuân thủ quy định. Một số ví dụ về các vi phạm hành chính là: không nộp báo cáo, không lưu giữ hồ sơ hoặc không xin giấy phép hay loại văn bản ủy quyền khác.

Bảng 7: Bảng phân loại hình phạt đối với vi phạm hành chính

| Lớn | Vừa | Nhỏ |
|---------------------|---------------------|---------------------|
| Nguồn lớn/Nguồn nhỏ | Nguồn lớn/Nguồn nhỏ | Nguồn lớn/Nguồn nhỏ |
| 20%/10% | 7%/2,5% | 1%/1% |

Đối với bảng hình phạt này, *vi phạm hành chính lớn* có nghĩa là toàn bộ hay hầu hết (nhiều hơn 70 phần trăm) các yêu cầu của một quy định hay giấy phép đã không được đáp ứng, *vi phạm hành chính vừa* có nghĩa là nhiều (30 đến 70 phần trăm) trong các yêu cầu của một quy định hay giấy phép đã không được đáp ứng, và *vi phạm hành chính nhỏ* có nghĩa là ít hơn 30 phần trăm các yêu cầu của một quy định hay giấy phép đã không được đáp ứng. Một ngoại lệ đối với các mức phạt trong bảng này là việc giả mạo hồ sơ, trường hợp mà sẽ bị áp dụng 100 phần trăm mức phạt tối đa theo luật định.

Xác định số lần vi phạm

Số lần vi phạm cần áp dụng hình phạt sẽ được tính căn cứ vào việc vi phạm đó đã được quan sát bao nhiêu lần, đã kéo dài bao lâu và đã vi phạm quy định cụ thể nào cũng như các thông tin khác liên quan đến vụ việc.

Có một số loại vi phạm thường được coi như là các trường hợp riêng lẻ. Đối với các vi phạm này, mỗi vi phạm được quan sát và ghi nhận đều sẽ được tính là một lần phạt. Vi phạm riêng lẻ là các trường hợp được quan sát và ghi nhận trong quá trình điều tra—

Chính sách Xử phạt

Phiên bản sửa đổi thứ năm, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 1 năm 2021

trong một khoảng thời gian nhất định. Các vi phạm này liên quan đến những thực hành hay hành động không xảy ra liên tục. Nếu tái diễn thì mỗi lần vi phạm là một trường hợp riêng rẽ, tách biệt nhau về mặt thời gian. Một số ví dụ về loại vi phạm được coi là trường hợp riêng lẻ: không nộp báo cáo hàng năm, không thu thập hay báo cáo dữ liệu theo dõi, không thực hiện theo quy định về việc xác định các loại chất thải độc hại và không trình giấy tự chứng nhận trước khi được bơm nạp nhiên liệu. Đối với các vi phạm riêng lẻ, mỗi trường hợp không tuân thủ được quan sát và ghi nhận (ví dụ: mỗi mẫu phân tích xác nhận có vi phạm) đều sẽ được tính là một lần phạt.

Có các loại vi phạm khác được coi là liên tục. Các vi phạm này không chỉ giới hạn ở các hành vi không tuân thủ được quan sát và ghi nhận. Một số ví dụ về loại vi phạm sẽ được coi là trường hợp liên tục là: xả chất thải hay khí thải vượt mức cho phép, làm ô nhiễm nguồn nước ngầm, xả hay phát chất thải trái phép, gây nguy hiểm, trộn lẫn nước đáp ứng tiêu chuẩn của TCEQ với nước ô nhiễm hay các chất trái phép khác, hoạt động không có giấy phép theo quy định và các vi phạm tương tự. Đối với các vi phạm liên tục, mức độ tác động sẽ được quyết định bởi số lần vi phạm mà được tính theo mức độ tái diễn với tần suất như trong bảng dưới đây.

Bảng 8: Các vi phạm liên tục

| | Mức độ thiệt hại hay nghiêm trọng | Số lần vi phạm |
|---------------------------------------|--|-----------------------|
| Trường hợp phát thải thực sự | Nặng | Đến mức hàng ngày |
| | Vừa | Đến mức hàng tuần |
| | Nhẹ | Đến mức hàng tháng |
| Trường hợp phát thải tiềm tàng | Nặng | Đến mức hàng tuần |
| | Vừa | Đến mức hàng tháng |
| | Nhẹ | Đến mức hàng quý |
| Trường hợp hành chính | Nặng | Đến mức hàng ngày |
| | Vừa | Đến mức hàng tháng |
| | Nhẹ | Đến mức hàng quý |

Khi chuẩn bị hồ sơ xử phạt cho một vi phạm liên tục thì thời gian xảy ra vi phạm có thể được tính bắt đầu từ ngày đầu tiên có hành động không tuân thủ với một yêu cầu, quy định hay giấy phép và kéo dài đến lúc lập văn bản yêu cầu xử lý.

Chính sách Xử phạt

Phiên bản sửa đổi thứ năm, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 1 năm 2021

Trên thực tế, các vi phạm liên tục sẽ được đánh giá bắt đầu từ ngày có hành động không tuân thủ (ví dụ: căn cứ vào các kết quả phân tích mẫu hay xem xét hồ sơ) hoặc từ ngày bị đơn “lẽ ra cần phải biết”, tùy theo thời điểm nào phù hợp hơn. Bị đơn luôn luôn được cho là “cần phải biết” các điều kiện được ghi trong giấy phép.

Ngày cuối cùng của vi phạm được tính là ngày bị đơn trở lại tình trạng tuân thủ hoặc ngày phê duyệt hồ sơ yêu cầu xử lý, tùy theo thời điểm nào phù hợp hơn. Ngày phê duyệt được sử dụng để đảm bảo rằng không ai sẽ bị ảnh hưởng bởi mức độ ưu tiên xử lý của cơ quan đối với từng trường hợp.

Thời gian xảy ra vi phạm sẽ được điều chỉnh nếu cần thiết để phản ánh các trường hợp không tuân thủ kéo dài. *Lưu ý:* Các trường hợp vi phạm riêng lẻ sẽ không được điều chỉnh như vậy vì chúng được coi là các sự kiện xảy ra một lần.

Để xác định số lần vi phạm, hãy lấy thời gian xảy ra của vi phạm và chia cho tần suất phù hợp. Khi thực hiện tính toán này, bất kỳ phần nào của ngày sẽ được quy thành “một ngày”; bất kỳ phần nào của tháng sẽ được quy thành “một tháng” và bất kỳ phần nào của quý sẽ được quy thành “một quý”. Ví dụ, một vi phạm phát thải thực sự thuộc loại nhỏ mà được đánh giá là có tần suất hàng quý và tiếp tục trong 13 tháng thì sẽ được tính là kéo dài năm quý.

Cách tính toán Tổng phụ 1: Nhân mức phạt cơ bản với số lần phạt đã xác định cho vi phạm được xem xét. Lặp lại phép tính này cho mỗi vi phạm trong hồ sơ xử phạt và cộng tổng các mức phạt cơ bản.

Đánh giá các điều chỉnh đối với khoản tiền phạt

Sau khi xác nhận khoản phạt cho tất cả các vi phạm trong hồ sơ xử phạt bằng cách nhân mức phạt cơ bản với số lần vi phạm thì các khoản điều chỉnh, nếu có, sẽ được áp dụng. Khoản phạt có thể được điều chỉnh căn cứ vào các yếu tố sau đây liên quan đến bị đơn:

- hồ sơ tuân thủ
- trường hợp tái phạm
- phân loại hồ sơ tuân thủ
- lỗi vi phạm
- nỗ lực thực sự để tuân thủ
- lợi ích kinh tế kiếm được từ việc không tuân thủ
- các yếu tố khác cần thiết để thực hiện công lý
- điều chỉnh cho phù hợp với các giới hạn pháp định
- các trường hợp hoãn phạt

Chính sách Xử phạt

Phiên bản sửa đổi thứ năm, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 1 năm 2021

Hồ sơ tuân thủ (Tổng phụ 2)

Nhân viên TCEQ sẽ lập hồ sơ về sự tuân thủ trước đây của bị đơn căn cứ vào Tiêu đề 30, Chương 60 Bộ luật Hành chính Texas (Texas Administrative Code, hay TAC) bất kể trường hợp xử phạt đó liên quan đến lĩnh vực nào của chương trình. Căn cứ vào hồ sơ tuân thủ, nhân viên sẽ xác định các khoản điều chỉnh tiền phạt cho một cơ sở, đơn vị di động hay một cá nhân mà theo quy định phải có giấy đăng ký, giấy chứng nhận hay giấy phép của TCEQ trước khi thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quy định. Mức độ điều chỉnh được xác định bằng cách đánh giá số lượng của từng hạng mục và cộng, trừ các tỷ lệ phần trăm điều chỉnh. Nếu tổng nhỏ hơn không thì tỷ lệ phần trăm điều chỉnh mặc định là không. Các tỷ lệ phần trăm điều chỉnh cho mỗi hạng mục được ghi rõ ở Bảng 9.

Bảng 9: Các khoản điều chỉnh căn cứ vào hồ sơ tuân thủ của cơ sở bị xử phạt

| Hạng mục | Tỷ lệ phần trăm điều chỉnh | Điều chỉnh cộng hay trừ? |
|---|--|--------------------------|
| Có các Thông báo Vi phạm (Notice of Violation, hay NOV) về các vi phạm giống hay tương tự với các vi phạm trong hồ sơ xử phạt hiện tại | 5% cho mỗi NOV | cộng |
| Có NOV về các vi phạm khác | 2% cho mỗi NOV | cộng |
| Có lệnh đồng thuận xử lý cuối cùng, trong đó bị đơn phủ nhận trách nhiệm | 20% cho mỗi lệnh | cộng |
| Có lệnh xử lý cuối cùng sau buổi điều trần, lệnh đồng thuận xử lý cuối cùng trong đó bị đơn không phủ nhận trách nhiệm, hoặc lệnh xử lý khiếm diện do tiểu bang này hay chính phủ liên bang ban hành; hoặc có bất kỳ lệnh cấm khẩn cấp cuối cùng nào do Ủy ban ban hành | 25% cho mỗi lệnh | cộng |
| Có phán quyết hay lệnh đồng thuận cuối cùng thông qua tòa án, trong đó bị đơn phủ nhận trách nhiệm và do tiểu bang này hay chính phủ liên bang ban hành | 30% cho mỗi phán quyết tòa án và lệnh đồng thuận | cộng |
| Có phán quyết cuối cùng hay phán quyết xử lý khiếm diện của tòa án sau phiên xét xử hoặc phán quyết hay lệnh đồng thuận cuối cùng thông qua tòa án, trong đó bị đơn không phủ nhận trách nhiệm và do tiểu bang này hay chính phủ liên bang ban hành | 35% cho mỗi phán quyết tòa án và lệnh đồng thuận | cộng |
| Có bản án hình sự do tiểu bang này hay chính phủ liên bang ban hành | 50% cho mỗi tội | cộng |

Chính sách Xử phạt

Phiên bản sửa đổi thứ năm, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 1 năm 2021

| Hạng mục | Tỷ lệ phần trăm điều chỉnh | Điều chỉnh cộng hay trừ? |
|--|---|--------------------------|
| Có lệnh xử lý cuối cùng, phán quyết tòa án và bản án hình sự liên quan đến việc vi phạm luật pháp môi trường ở các tiểu bang khác | Không áp dụng | Không áp dụng |
| Có các trường hợp phát thải quá mức và thường xuyên | 25% cho mỗi trường hợp | cộng |
| Có lá thư gửi đến giám đốc điều hành để thông báo về ý định thực hiện cuộc kiểm toán chiếu theo Điều luật Đặc quyền Kiểm toán về An toàn, Sức khỏe và Môi trường Texas, do phiên họp Cơ quan lập pháp thứ 75 thông qua năm 1997. | 1% cho mỗi cuộc kiểm toán | trừ |
| Có tự nguyện tiết lộ các vi phạm chiếu theo Điều luật Đặc quyền Kiểm toán về An toàn, Sức khỏe và Môi trường Texas, do phiên họp Cơ quan lập pháp thứ 75 thông qua năm 1997. | 2% cho mỗi cuộc kiểm toán dẫn đến tiết lộ vi phạm | trừ |
| Có hệ thống quản lý môi trường được đưa vào hoạt động trong một năm hoặc lâu hơn | 10% | trừ |
| Có các buổi đánh giá sự tuân thủ tại chỗ mang tính tự nguyện do giám đốc điều hành thực hiện theo một chương trình hỗ trợ đặc biệt | 10% | trừ |
| Có sự tham gia vào một chương trình tự nguyện giảm ô nhiễm | 5% | trừ |
| Nhanh chóng tuân thủ hoặc đề nghị về một sản phẩm mà đáp ứng với các yêu cầu trong tương lai về môi trường của chính phủ tiểu bang hay liên bang | 5% | trừ |

Cách tính toán Tổng phụ 2: Nhân Tổng phụ 1 với tổng tỷ lệ phần trăm điều chỉnh của tất cả các hạng mục về hồ sơ tuân thủ.

Trường hợp tái phạm (Tổng phụ 3)

Khi một bị đơn được xác nhận là có tái phạm tại cơ sở bị xử phạt thì mức phạt hành chính đề nghị cho trường hợp đó sẽ được tăng thêm 25 phần trăm. Việc xác nhận trường hợp tái phạm được thực hiện theo điều khoản 60.2(f) của Tiêu đề 30, Bộ luật Hành chính Texas.

Cách tính toán Tổng phụ 3: Nhân Tổng phụ 1 với 25 phần trăm hoặc 0 phần trăm.

Chính sách Xử phạt

Phiên bản sửa đổi thứ năm, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 1 năm 2021

Phân loại hồ sơ tuân thủ (Tổng phụ 7)

Mức phạt hành chính sẽ được điều chỉnh căn cứ vào phân loại áp dụng cho bị đơn bị xử phạt theo như được ghi trong Bảng 10. Việc phân loại hồ sơ tuân thủ của bị đơn sẽ được thực hiện theo điều khoản 60.2(h) của Tiêu đề 30, Bộ luật Hành chính Texas.

Bảng 10: Khoản điều chỉnh theo phân loại hồ sơ tuân thủ

| Phân loại của bị đơn | Tỷ lệ phần trăm điều chỉnh |
|-------------------------|--|
| Hồ sơ rất tốt | -10% (không điều chỉnh trong trường hợp phải ra lệnh khiếm diện) |
| Hồ sơ đạt yêu cầu | 0% (không điều chỉnh) |
| Hồ sơ không đạt yêu cầu | +10% |

Cách tính toán Tổng phụ 7: Nhân Tổng phụ 1 với tỷ lệ phần trăm phù hợp từ bảng phân loại hồ sơ tuân thủ.

Tổng mức điều chỉnh căn cứ vào hồ sơ tuân thủ được giới hạn ở 100% mức phạt cơ bản.

Lỗi vi phạm (Tổng phụ 4)

Khi đánh giá lỗi, nhân viên sẽ xác định xem liệu bị đơn lẽ ra đã có thể dự đoán và tránh được mỗi vi phạm một cách hợp lý hay không. Việc xác định này sẽ căn cứ vào từng địa điểm cụ thể và việc xem xét quá trình năm năm (khoảng thời gian năm năm về trước tính từ ngày khởi sự hành động xử phạt với đề nghị dàn xếp ban đầu hoặc từ ngày nộp Báo cáo Sơ bộ của Giám đốc Điều hành (Executive Director's Preliminary Report, hay EDPR), tùy theo ngày nào đến trước). Phần lỗi vi phạm sẽ được xác định cho từng đơn vị di động hay cá nhân mà theo quy định phải có giấy đăng ký, giấy chứng nhận hay giấy phép của TCEQ trước khi thực hiện một số hoạt động chứ không căn cứ vào từng địa điểm cụ thể. Nhân viên sẽ xác định xem có các tài liệu chứng minh cho việc mắc lỗi hay không (ví dụ như ghi chú của nhà thầu phụ; thư từ của cơ quan; ghi chú của bị đơn; hồ sơ điều tra tại các địa điểm khác [đối với các đơn vị di động hay cá nhân mà theo quy định phải có giấy đăng ký, giấy chứng nhận hay giấy phép của TCEQ trước khi thực hiện một số hoạt động]).

Nếu xác định có lỗi thì nhân viên sẽ cộng thêm 25 phần trăm vào khoản tiền phạt; nếu không thì không có hành động gì.

Lưu ý: Vì các tài liệu bắt lỗi khác, ví dụ như thông báo NOV và các loại lệnh, đã được xem xét trong phần hồ sơ tuân thủ nên sẽ không được xem xét trong phần xác định lỗi vi phạm.

Chính sách Xử phạt

Phiên bản sửa đổi thứ năm, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 1 năm 2021

Cách tính toán Tổng phụ 4: Nhân Tổng phụ 1 với 25 phần trăm hoặc 0 phần trăm tùy theo mức nào phù hợp.

Nỗ lực thực sự để tuân thủ (Tổng phụ 5)

Khi đánh giá các nỗ lực thực sự trong việc tuân thủ, nhân viên sẽ xét đến các nỗ lực của bị đơn để trở lại tình trạng hoàn toàn tuân thủ với tất cả các quy định và quy chế được trích dẫn và áp dụng cho mỗi vi phạm trong hồ sơ xử phạt. Do đó, các khoản giảm, nếu có, sẽ được áp dụng cho từng vi phạm. Quy trình phân tích các nỗ lực thực sự bao gồm hai yếu tố: tính kịp thời trong các hành động của bị đơn và giá trị của những hành động đó. Theo đó, bị đơn sẽ được giảm tiền phạt do tính kịp thời hay giá trị của hành động, hoặc cho cả hai.

Tính kịp thời được xác định căn cứ vào thời điểm mà bị đơn hoàn tất các hành động cần thiết để khắc phục vi phạm. Sau đây là hai trường hợp sẽ được xem xét:

- Các hành động khắc phục đã được hoàn tất trước khi có báo cáo EDPR hay đề nghị dàn xếp ban đầu nhưng sau khi thông báo NOV hay Thông báo Xử phạt (Notice of Enforcement, hay NOE) được ban hành.
- Các hành động khắc phục đã được hoàn tất ngay sau khi các vi phạm được phát hiện ra và trước khi thông báo NOV hay NOE được ban hành.

Giá trị được xác định căn cứ vào mức độ hành động của bị đơn. Giá trị được phân loại thành hai mức độ, *xuất sắc* và *bình thường*. *Xuất sắc* được định nghĩa là các hành động của bị đơn mà vượt mức kỳ vọng theo quy định. *Bình thường* được định nghĩa là các hành động của bị đơn để khắc phục vi phạm mà đạt mức kỳ vọng theo quy định. Mức độ nỗ lực thực sự sẽ được xem xét riêng cho mỗi trường hợp vi phạm.

Bảng dưới đây cho biết mức giảm cho các trường hợp nỗ lực thực sự. Mức giảm tối đa là 50 phần trăm. Các nỗ lực thực sự chỉ được xem xét nếu bị đơn đã tuân thủ các quy định và quy chế được trích dẫn và áp dụng cho mỗi vi phạm trong hồ sơ xử phạt. Các trường hợp có lệnh xử lý khiếm diện sẽ không được hưởng các mức giảm này.

Bảng 11: Tỷ lệ phần trăm giảm cho việc hành động kịp thời

| Giá trị của hành động | Hành động trước khi có thông báo NOV hay NOE | Hành động sau khi có thông báo NOV hay NOE và trước khi có báo cáo EDPR hay đề nghị dàn xếp ban đầu |
|-----------------------|--|---|
| Xuất sắc | 50% | 25% |
| Bình thường | 25% | 10% |

Cách tính toán Tổng phụ 5: Nhân Tổng phụ 1 với tỷ lệ phần trăm tương ứng với mức độ nỗ lực phù hợp để giảm mức phạt.

Lợi ích kinh tế (Tổng phụ 6)

Lợi ích kinh tế được định nghĩa là các khoản tiền thu được từ việc không tuân thủ các quy định hay quy chế của TCEQ. Lợi ích kinh tế có thể bao gồm bất kỳ hay tất cả các khoản sau đây: (1) lợi nhuận mà bị đơn thu được từ việc trì hoãn các khoản chi tiêu vốn để mua thiết bị kiểm soát ô nhiễm; (2) lợi nhuận mà bị đơn thu được từ việc trì hoãn một khoản chi tiêu một lần; và (3) lợi nhuận mà bị đơn thu được từ việc tránh trả các chi phí định kỳ.

Để xác định xem một bị đơn có thu lợi ích kinh tế hay không (trong khoảng thời gian bị cho là có vi phạm), nhân viên phải đánh giá các khía cạnh sau đây đối với mỗi vi phạm:

1. Liệu bị đơn có trốn tránh hay trì hoãn các chi tiêu vốn cho bất kỳ hạng mục nào được yêu cầu cụ thể theo một giấy phép hay quy định áp dụng cho cơ sở hay đơn vị bị xử phạt không?
2. Liệu bị đơn có thu được lợi ích từ việc trốn tránh hay trì hoãn các khoản chi tiêu vốn cho bất kỳ hạng mục nào được yêu cầu rõ ràng trong một giấy phép hay quy định áp dụng cho cơ sở hay đơn vị bị xử phạt không?
3. Liệu bị đơn có giành được lợi thế kinh doanh so với các đối thủ cạnh tranh không?
4. Liệu bị đơn có trốn tránh hay trì hoãn các chi phí xử lý rác thải, bảo trì và/hoặc vận hành không?
5. Liệu bị đơn có kiếm được doanh thu cao hơn do không tuân thủ không?
6. Liệu bị đơn có trốn tránh việc mua bảo hiểm tài chính cho bất kỳ hạng mục nào được yêu cầu rõ ràng trong một giấy phép hay quy định áp dụng cho cơ sở hay đơn vị bị xử phạt không?

Nếu trả lời “có” đối với bất kỳ câu hỏi nào ở trên thì nhân viên TCEQ sẽ ước tính tổng lợi ích kinh tế mà bị đơn đã thu được. Chỉ các khoản chi tiêu vốn, chi tiêu một lần không được khấu hao, chi phí định kỳ và tiền lãi thu được mới được sử dụng trong phép tính này.

Chi tiêu vốn bao gồm tất cả các khoản đầu tư vốn có thể khấu hao được và cần thiết để tuân thủ một quy định hay giấy phép về môi trường. Các khoản đầu tư vốn có thể khấu hao được thường nói về việc mua các tài sản mà sẽ hao mòn qua thời gian, ví dụ như tòa nhà, thiết bị hay tài sản dài hạn khác. Một số khoản đầu tư vốn điển hình liên quan đến môi trường bao gồm giếng theo dõi nước ngầm, thiết bị lọc khí ống khói và hệ thống xử lý nước thải.

Chi tiêu một lần không được khấu hao bao gồm các chi phí bị trì hoãn mà bị đơn lẽ ra đã phải trả từ trước (để phòng tránh vi phạm). Các chi phí này chỉ cần trả một lần và không được khấu hao (nghĩa là không hao mòn). Các chi tiêu như vậy có thể là để mua đất, thiết lập hệ thống lưu giữ hồ sơ, loại bỏ vật liệu san lấp và nạo vét bị thải bỏ trái phép, xử lý đất từ một địa điểm đổ rác độc hại, hoặc cung cấp chương trình đào tạo sơ bộ cho nhân viên.

Chính sách Xử phạt

Phiên bản sửa đổi thứ năm, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 1 năm 2021

Chi phí định kỳ là các chi phí thường xuyên liên quan đến việc vận hành, bảo trì các thiết bị kiểm soát ô nhiễm theo quy định.

Sau khi các lợi ích kinh tế từ tất cả các vi phạm trong hồ sơ xử phạt được ước tính và cộng lại thì số tổng cần được đối chiếu với các tiêu chí ở bảng sau đây và mức phạt cần được tăng theo đó. Khoản điều chỉnh kinh tế này được giới hạn để đảm bảo rằng số tiền điều chỉnh không lớn hơn giá trị lợi ích kinh tế đã thu được.

Bảng 12: Bảng về lợi ích kinh tế

| % điều chỉnh | Giá trị lợi ích tính bằng đô la |
|--------------|---------------------------------|
| Không có | Dưới 15.000\$ |
| 50% | Từ 15.000\$ trở lên |

Cách tính toán Tổng phụ 6: Xác định các số ước tính lợi ích kinh tế của từng vi phạm trong hồ sơ xử phạt. Cộng tổng giá trị của tất cả các lợi ích kinh tế của mỗi vi phạm, sau đó xác định toàn bộ giá trị lợi ích kinh tế tính bằng đô la. Nếu tổng giá trị lợi ích bằng hay lớn hơn 15.000\$ thì hãy nhân mức phạt cơ bản với tỷ lệ phần trăm tương ứng ở Bảng 12.

Các tổ chức phi lợi nhuận, tiểu khu chính trị và cơ quan chính phủ khác sẽ không bị yêu cầu trả khoản điều chỉnh do thu được lợi ích kinh tế.

Các chi phí đã trốn tránh

Tất cả các khoản lợi nhuận mà bị đơn thu được từ việc trốn tránh chi phí đều phải được bao gồm trong tổng tiền phạt được áp dụng, ngoại trừ các tổ chức phi lợi nhuận, tiểu khu chính trị và cơ quan chính phủ khác. Các khoản chi phí đã trốn tránh sẽ được bao gồm trong phần điều chỉnh với tên gọi “các yếu tố khác cần thiết để thực hiện công lý”.

Tổng phụ cuối cùng

Tổng phụ cuối cùng được tính toán bằng cách cộng lại các Tổng phụ 1, Tổng phụ 2, Tổng phụ 3, Tổng phụ 4 và Tổng phụ 6; sau đó trừ đi Tổng phụ 5; rồi cộng hoặc trừ Tổng phụ 7 sao cho phù hợp.

Các yếu tố khác cần thiết để thực hiện công lý

Nhân viên có thể đề nghị điều chỉnh mức phạt cho từng trường hợp sau khi xem xét các yếu tố riêng biệt của trường hợp đó. Việc điều chỉnh này có thể làm tăng hay giảm khoản phạt.

Chính sách Xử phạt

Phiên bản sửa đổi thứ năm, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 1 năm 2021

Ví dụ, việc điều chỉnh xuống vì “các yếu tố khác cần thiết để thực hiện công lý” có thể phù hợp khi một bị đơn tự thông báo cho TCEQ biết về các vi phạm. Nếu việc thông báo như vậy không phải là điều bắt buộc theo luật lệ, giấy phép hay quy định thì nhân viên TCEQ có thể đề nghị giảm khoản phạt.

Ví dụ, việc điều chỉnh xuống vì “các yếu tố khác cần thiết để thực hiện công lý” có thể phù hợp khi một bị đơn mua một cơ sở cấp nước hay xử lý nước thải không đạt chuẩn trong một chiến dịch “khu vực hóa” các dịch vụ đó. Thông thường thì bị đơn sẽ phải chịu trách nhiệm cho hồ sơ tuân thủ của cơ sở mới mua, nhưng trong một số trường hợp thì khoản phạt theo tính toán có thể không phản ánh các nỗ lực của chủ sở hữu mới và nhân viên có thể đề nghị giảm khoản phạt.

Ví dụ, việc điều chỉnh lên vì “các yếu tố khác cần thiết để thực hiện công lý” có thể phù hợp khi một bị đơn sở hữu một trạm kiểm tra xe theo quy định tiểu bang mà phát hành giấy xác nhận kiểm tra xe trong khi chưa thực hiện đầy đủ việc kiểm tra khí thải. Nếu xác nhận được rằng việc không thực hiện đầy đủ việc kiểm tra khí thải là cố ý thì nhân viên có thể đề nghị tăng khoản phạt.

Cách tính toán: Nhân Tổng phụ cuối cùng với tỷ lệ phần trăm đề nghị để cho ra Mức phạt cuối cùng.

Điều chỉnh cho phù hợp với các giới hạn pháp định

Mức phạt cuối cùng sẽ được đối chiếu với các mức phạt tối thiểu và tối đa mà luật pháp cho phép đối với mỗi vi phạm mỗi ngày để xác định khoản phạt cuối cùng được áp dụng.

Trường hợp hoãn phạt

Một bị đơn có thể hội đủ điều kiện được hoãn phạt nếu đáp ứng các điều kiện cụ thể dưới đây.

- Các trường hợp có lệnh hành chính 1660 và không bị điều chỉnh tiền phạt vì lý do có lỗi thì có thể hội đủ điều kiện làm thủ tục dàn xếp nhanh và được hoãn 20% khoản phạt. Các trường hợp có lệnh phạt bắt buộc theo luật pháp, lệnh xác nhận các sự kiện, lệnh với khoản điều chỉnh vì lý do có lỗi, lệnh xử lý cho bị đơn có từ hai lệnh phạt hành chính trở lên trước đó như được quy định ở các điều khoản 7.105(b)(2), (b)(4) và (b)(6) của bộ luật TWC, và các lệnh được chuyển đến Bộ phận Kiện tụng thì sẽ không hội đủ điều kiện làm thủ tục dàn xếp nhanh và được hoãn 20% khoản phạt.
- Nếu TCEQ thực hiện quy trình xem xét tình trạng thiếu khả năng tài chính như được ghi ở điều khoản 70.8 của Tiêu đề 30, Bộ luật Hành chính Texas và xác định rằng bị đơn không có khả năng trả một phần hay toàn bộ khoản phạt thì có thể cho phép hoãn đến 100% tiền phạt.

Chính sách Xử phạt

Phiên bản sửa đổi thứ năm, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 1 năm 2021

- Nếu bị đơn được xác nhận thông qua quy trình ghi ở điều khoản 7.034 của bộ luật TWC (Hoãn phạt dành cho một số cơ sở tiện ích công cộng) rằng họ không có khả năng trả một phần hay toàn bộ khoản phạt thì có thể được cho phép hoãn đến 100% tiền phạt.
- Tùy vào quyết định của ủy ban, giám đốc điều hành có thể đề nghị việc trì hoãn có điều kiện đến 100% tiền phạt đối với một số vi phạm.

Tất cả các trường hợp hoãn phạt đều phụ thuộc vào việc bị đơn tuân thủ lệnh hành chính một cách đầy đủ và kịp thời. Nếu không đạt được tình trạng tuân thủ như vậy thì bị đơn có thể bị yêu cầu nộp khoản phạt hành chính cuối cùng đã áp dụng, gồm cả phần tiền phạt được hoãn.